

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ngô Xuân Bách

2. Ngày tháng năm sinh: 10/02/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P411, Nhà N4A, khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P411, Nhà N4A, khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0898980268;

E-mail: ngoxuanbachken@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2006 đến năm 2008: Giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ năm 2008 đến năm 2014: Học viên cao học và Nghiên cứu sinh tại Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản (JAIST)

Từ năm 2014 đến năm 2016: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2016 đến năm 2020: Trưởng bộ môn tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: Km 10, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38545 604

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 06 năm 2006, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 03 năm 2011, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 03 năm 2014, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, các hệ tư vấn, trí tuệ nhân tạo

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 4 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

4	2017-2018		1	1	5	405	60	465/649,2/270
5	2018-2019	1	1	2	3	360	30	390/549,6/270
6	2019-2020	1	1		6	360	30	390/549,6/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP 560 điểm

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Hà Thanh		X	X		03/2015 đến 11/2015	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	11/11/2015
2	Phạm Thị Nương		X	X		08/2015 đến 02/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	21/02/2017
3	Nguyễn Thị Hồng Quỳnh		X	X		01/2016 đến 05/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	22/05/2017
4	Phạm Minh Luận		X	X		11/2017 đến 08/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	24/08/2018

5	Đặng Ngọc Tú		X	X		06/2018 đến 03/2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	20/03/2019
6	Cao Quốc Kiên		X	X		06/2018 đến 10/2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	04/10/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	A Joint Model for Vietnamese Part-of-Speech Tagging Using Dual Decomposition. In: Knowledge-Based Information Systems in Practice	CK	Springer, năm 2015	4	CB	(Chương 20, trang 353-367)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu xây dựng hệ thống giải đáp luật giao thông sử dụng ngôn ngữ tự nhiên (ĐT)	CN	ĐT.024/17, cấp Bộ	01/01/2017 đến 30/11/2017	04/12/2017 Đạt
2	Khai phá quan điểm trên câu so sánh tiếng Việt dựa trên học máy (ĐT)	CN	04-2015-HV-CNTT1, cấp Cơ sở	01/06/2015 đến 30/11/2015	30/12/2015 Tốt
3	Gán nhãn từ loại tiếng Việt cho dữ liệu trên mạng xã hội (ĐT)	CN	19-2016-HV-CNTT1, cấp Cơ sở	01/06/2016 đến 31/12/2016	28/12/2016 Xuất sắc
4	Xây dựng hệ thống tóm tắt văn bản tiếng Việt tự động (ĐT)	CN	017-2018-HV-CNTT-PM, cấp Cơ sở	01/06/2018 đến 31/12/2018	25/12/2018 Xuất sắc
5	Xây dựng hệ thống tìm kiếm văn bản pháp quy tới mức điều, khoản (ĐT)	CN	016-2019-HV-CNTT1-PM, cấp Cơ sở	01/05/2019 đến 31/12/2019	23/12/2019 Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi

được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Transformation Rule Learning without Rule Templates: A Case Study in Part of Speech Tagging	4	Có	Proceedings of the 7th Int. Conf. on Advanced Language Processing and Web Information Technology (ALPIT 2008), Dalian, China		3	, 9-14	2008
2	Exploring Contributions of Words to Recognition of Requisite Part and Effectuation Part in Law Sentences	3	Có	Proceedings of the 4th Int. Workshop on Juris-Informatics (JURISIN 2010), Tokyo, Japan		3	, 121-132	2010

3	A Semi-Supervised Learning Method for Vietnamese Part-of-Speech Tagging	5	Không	Proceedings of the 2nd Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2010), Hanoi, Vietnam		9	, 141-146	2010
4	Learning Logical Structures of Paragraphs in Legal Articles	4	Có	Proceedings of the 5th Int. Joint Conf. on Natural Language Processing (IJCNLP 2011), Chiang Mai, Thailand		2	, 20-28	2011
5	A Listwise Approach to Coreference Resolution in Multiple Languages	4	Không	Proceedings of the 25th Pacific Asia Conf. on Language, Information and Computation (PACLIC 2011), Singapore			, 400-409	2011
6	RRE Task: The Task of Recognition of Requisite Part and Effectuation Part in Law Sentences	3	Có	Int. Journal of Computer Processing Of Languages (Tập chí ISSN 1793-8406)		14	23 , 2, 109-130	2011

7	UDRST: A Novel System for Unlabeled Discourse Parsing in the RST Framework	3	Có	Proceedings of the 8th Int. Conf. on Natural Language Processing (JapTAL 2012), LNAI 7614, Kanazwa, Japan		6	, 250-261	2012
8	A Reranking Model for Discourse Segmentation using Subtree Features	3	Có	Proceedings of the 13th Annual Meeting of the Special Interest Group on Discourse and Dialogue (SIGDIAL 2012), Seoul, South Korea		22	, 160-168	2012
9	A learning-to-rank method for information updating task	4	Không	Applied Intelligence (Tập chí ISSN 0924-669X)	Q2 - SCIE IF: 2.882	6	37 , 4, 499-510	2012
10	A Two-Phase Framework for Learning Logical Structures of Paragraphs in Legal Articles	4	Có	ACM Transactions on Asian Language Information Processing (ACM TALLIP now) (Tập chí ISSN 1530-0226)	Q3 - SCIE	28	12 , 1, 3:1-3:32	2013

11	Dual Decomposition for Vietnamese Part-of-Speech Tagging	4	Có	Proceedings of the 17th Int. Conf. on Knowledge-Based and Intelligent Information & Engineering Systems (KES 2013), Procedia Computer Science, Kitakyushu, Japan		6	, 123-131	2013
12	Reference Resolution in Japanese Legal Texts at Passage Levels	4	Không	Proceedings of the 5th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2013), Hanoi, Vietnam			, 237-249	2013
13	Automated reference resolution in legal texts	4	Không	Artificial Intelligence and Law (Tập chí ISSN 0924-8463)	Q1 - Scopus IF: 2.75	18	22 , 1, 29-60	2014
14	Exploiting discourse information to identify paraphrases	3	Có	Expert Systems with Applications (Tập chí ISSN 0957-4174)	Q1 - SCIE IF: 4.292	18	41 , 6, 2832–2841	2014
15	Answering Legal Questions by Mining Reference Information	4	Không	New Frontiers in Artificial Intelligence, LNAI 8417		7	, 214-229	2014

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

16	An Empirical Study on Sentiment Analysis for Vietnamese	3	Không	Proceedings of the Int. Conf. on Advanced Technologies for Communications (ATC), Hanoi, Vietnam		26	, 309-314	2014
17	Leveraging User Ratings for Resource-Poor Sentiment Classification	2	Có	Proceedings of the 19th Int. Conf. on Knowledge-Based and Intelligent Information & Engineering Systems (KES 2015), Procedia Computer Science, Singapore		11	, 322–331	2015
18	Mining Vietnamese Comparative Sentences for Sentiment Analysis	4	Có	Proceedings of the 7th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2015), HCM City, Vietnam		9	, 162-167	2015

19	Paraphrase Identification in Vietnamese Documents	4	Có	Proceedings of the 7th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2015), HCM City, Vietnam		4	, 174-179	2015
20	Personalized recommendation of stories for commenting in forum-based social media	3	Có	Information Sciences (Tap chí ISSN 0020-0255)	Q1 - SCI IF: 5.524	32	352-353 , 48-60	2016
21	Cross-Domain Sentiment Classification with Word Embeddings and Canonical Correlation Analysis	3	Có	Proceedings of the 7th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2016), HCM City, Vietnam		13	, 159-166	2016
22	Question Analysis for Vietnamese Legal Question Answering	4	Có	Proceedings of the 9th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2017), Hue City, Vietnam		2	, 154-159	2017

23	An Empirical Study on POS Tagging for Vietnamese Social Media Text	3	Có	Computer Speech and Language (Tập chí ISSN 0885-2308)	Q2 - SCIE <i>IF: 1.857</i>	16	50 , 1-15	2018
24	VLSP Shared Task: Sentiment Analysis	7	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics (Tập chí ISSN 1813-9663)		3	34 , 4, 295-310	2018
25	Combining User-based and Session-based Recommendations with Recurrent Neural Networks	3	Không	Proceedings of the 25th Int. Conf. on Neural Information Processing (ICONIP 2018), LNCS 11301, Siem Reap, Cambodia		3	, 487-498	2018
26	An Entailment-based Scoring Method for Content Selection in Document Summarization	5	Không	Proceedings of the 9th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2018), Da Nang, Vietnam		1	, 122-129	2018

27	Cross-Language Aspect Extraction for Opinion Mining	3	Không	Proceedings of the 10th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2018), HCM City, Vietnam		2	, 67-72	2018
28	Neural Session-Aware Recommendation	3	Không	IEEE Access (Tập chí ISSN 2169-3536)	Q1 - SCIE IF: 4.098	4	7, 86884 - 86896	2019
29	Identifying Intentions in Forum Posts with Cross-Domain Data	3	Không	Journal of Heuristics (Tập chí ISSN 1381-1231)	Q2 - SCIE IF: 1.392		, 1-22	2019
30	A POS Tagging Model for Vietnamese Social Media Text using BiLSTM-CRF with Rich Features	3	Có	Proceedings of the 16th Pacific Rim Int. Conf. on Artificial Intelligence (PRICAI 2019), LNCS 11672, Cuvu, Fiji		2	, 206-219	2019
31	Reference Extraction from Vietnamese Legal Documents	6	Có	Proceedings of the 10th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2019), Hanoi-Ha Long, Vietnam			, 486-493	2019

32	Session-Based Recommendation with Self-Attention	3	Không	Proceedings of the 10th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2019), Hanoi-Ha Long, Vietnam			, 1-8	2019
33	Question Analysis towards a Vietnamese Question Answering System in the Education Domain	3	Có	Cybernetics and Information Technologies (Tạp chí ISSN 1311-9702)	Q2 - Scopus IF: 0.88		20 , 1, 112-128	2020
34	Recurrent Convolutional Networks for Session-based Recommendations	3	Có	Neurocomputing (Tạp chí ISSN 0925-2312)	Q1 - SCIE IF: 4.072		,	2020
35	Leveraging Foreign Language Labeled Data for Aspect-Based Opinion Mining	3	Không	Proceedings of the IEEE-RIVF Int. Conf. on Computing and Communication Technologies, HCM City, Vietnam			,	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 4

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)